TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 252/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 10 - 2019
Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Đổi
2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long an.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên

Trong các ngày 26 tháng 9 và 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 442/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 314/2019/QĐXX- ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hoàng D, sinh năm 1972 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 1A, phường Thành Phú Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1963 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp 2, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3.*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Bà Võ Thị Thu Ng, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: 25/10F Đội Cung, phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2/ Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: 107/12 Nhân Tịnh, phường 02, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

3.3/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 1/12/1 Khu phố 2, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4/ Anh Lê Anh Kh, sinh năm 1997 (có mặt)

Chị Lê Thị Triều Ng, sinh năm 1994 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3.5/ Quỹ tín dụng nhân dân ĐH (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình Tiền 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Do ông Nguyễn Ngọc Kh đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quốc B, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3.6/ Hội phụ nữ xã Đức Hòa Đông do bà Phan Thị Hồng L đại diện (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng D trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông Lê Văn D trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 05 tháng và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã do ông D thường xuyên đánh đập bà vì ông có người phụ nữ khác bên ngoài. Hơn nữa lúc sống chung với ông D, bà có thiếu nợ lặt vặt không có tiền trả nên bà đi trốn nợ. Từ đó hai người đã ly thân từ tháng 5/2015 đến nay và ông D đã có vợ khác bà cũng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình với ông D nếu ông D có đòi ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Triều Ng sinh năm 1994 và Lê Anh Kh sinh năm 1997 (cả hai đã trưởng thành).

Tài sản chung: có một căn nhà cấp 4 ngang 4,5m x 16m tọa lạc trên phần đất do ông Dót đứng tên năm 2009 thửa 747 tờ bản đồ số 6 xã Đức Hòa Đông với diện tích 207m^2 đất ONT. Hiện nay tài sản này ông D đã chuyển nhượng cho bà Võ Thị Thu Ng, bà Ng đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Ch, ông Ch đã chuyển nhượng cho ông D và ông D đang đứng tên quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Nay bà yêu cầu ông D phải chia cho bà số tiền trị giá nhà đất là 325.000.000 đồng.

Nợ chung: Sau khi bà bỏ đi ông D đã trả nợ lặt vặt hết cho bà và trả luôn Ngân hàng TMCP ĐT xong. Nay chỉ còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân ĐH 10.000.000 đồng và nợ Hội phụ nữa xã ĐHĐ 5.000.000 đồng. Khi ly hôn bà đề nghị ông D phải trả thay cho bà.

Đối với bị đơn: Ông Lê Văn D thống nhất trình trạng hôn nhân, con chung giữa ông và bà D như bà D trình bày là đúng, ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức quá trầm trọng không thể sống chung. Ông đề nghị được ly hôn với bà D. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài

sản chung: bà D và ông chỉ có căn nhà trên đất lúc xây là 90.000.000 đồng. Lúc bà D bỏ nhà ra đi bà có thiếu nợ rất nhiều người, ông gã con lỗ lã nên ông phải bán nhà đất được 430.000.000 đồng trả nợ và mua lại căn nhà khác cho con ông ở. Còn về nguồn gốc đất thửa 747 tờ bản đồ số 6 xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thì đất do cha mẹ ông cho ông vào năm 2009, ông không đồng ý chia cho bà D mà chỉ đồng ý chia bà D trị giá ½ trị giá căn nhà trên đất là 100.000.000 đồng. Về nợ chung: ông đã trả cho Ngân hàng TMCP ĐT và nợ lặt vặt do bà D gây nợ xong. Hiện chỉ còn nợ Hội phụ nữ xã ĐHĐ và Quỹ tín dụng nhân dân ĐH. Khi ly hôn ông đồng ý trả ½ số nợ này.

Nguyên đơn và Trần Thị Hoàng D trình bày: Bà Thống nhất rút lại yêu cầu chia trị giá đất thửa 747 tờ bản đồ số 06 xã ĐHĐ với ông D mà bà chỉ yêu cầu chia 100.000.000 đồng trị giá nhà. Bà cũng không yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị Thu Ng và ông Lê Văn D.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Lê Thị Triều Ng và Lê Anh Kh là con của bà Trần Thị Hoàng D và ông Lê Văn D không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Bà Võ Thị Thu Ng trình bày: Vào thời gian không nhớ bà có mua nhà đất do ông Lê Văn D bán thửa 747 tờ bản đồ số 6 Đức Hòa Đông với diện tích 207m^2 giá cả bà không nhớ. Hiện nay bà đã chuyển nhượng lại nhà đất này cho ông Nguyễn Văn Ch. Bà không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Ông Nguyễn Văn Ch trình bày: Vào ngày 29/6/2017, ông có nhận chuyển nhượng của bà Võ Thị Thu Ng nhà đất tại thửa 747 tờ bản đồ số 6 xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An với giá 690.000.000 đồng. Khi mua xong ông có bỏ ra 200.000.000 đồng để sửa chữa toàn bộ như hiện nay. Nhà đất này ông đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn D giá 1.300.000.000 đồng. Ông đã giao nhà cho ông D và ông không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Ông Nguyễn Văn D trình bày: Vào ngày 25/6/2018, ông có nhận chuyển nhượng nhà đất của ông Nguyễn Văn Ch thửa 747 tờ bản đồ số 6 xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An giá 1.390.000.000 đồng. Hiện nay ông đứng tên nhà đất này. Việc ông mua nhà đất của ông Ch là hợp lệ ông không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Quỹ tín dụng nhân dân Đức Hòa trình bày: Hộ ông D hiện còn dư nợ tại quỹ tín dụng nhân dân Đức Hòa là 10.000.000 đồng. Do ông D có cam kết chịu trách nhiệm trả nợ nên quỹ tín dụng chưa có khởi kiện trong vụ án này.

Hội phụ nữ xã ĐHĐ xác nhận hiện hộ bà D và ông D còn nợ quỹ H là 5.000.000 đồng. Ông D có cam kết trả nợ nên Hội chưa khởi kiện trong vụ án này.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm Phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã tiến hành làm việc đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông D và bà D là vợ chồng. Về tài sản: đề nghị công nhận sự thỏa thuận của ông D và bà D là ông D giao bà D 100.000.000 đồng. Về nợ do chủ nợ chưa có yêu cầu khởi kiện nên chưa đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định tại Điều 35 Bộ luật dân sự.

[2] Về hôn nhân: Do ông Lê Văn D và bà Trần Thị Hoàng D chung sống không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không công nhận ông Lê Văn D và bà Trần Thị Hoàng D là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Lê Văn D và bà Trần Thị Hoàng D có hai con chung tên Lê Thị Triều Ng sinh năm 1994 và Lê Anh Kh sinh năm 1997 (cả hai trưởng thành) nên khi chấm dứt tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông D nên không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Trần Thị Hoàng D và ông Lê Văn D là ông D giao cho bà D 100.000.000 đồng trị giá ½ căn nhà xây trên thửa đất 747 tờ bản đồ số 6 xã ĐHĐ. Công nhận cho ông D sở hữu 100.000.000 đồng trị giá ½ căn nhà trên thửa 747 tờ bản đồ số 6 xã ĐHĐ.

[5] Về trị giá đất: thửa 747 tờ bản đồ số 6 xã ĐHĐ diện tích 207 m^2 loại đất ONT hiện nay ông D đã chuyển nhượng cho bà Ng, bà Ng chuyển nhượng cho ông Ch, ông Ch đã chuyển nhượng cho ông D và ông D đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà D và ông D xác định tại phiên tòa không tranh chấp nên không đề cập xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà D và ông D còn nợ quỹ tín dụng nhân dân ĐH 10.000.000 đồng và Hội phụ nữ xã ĐHĐ là 5.000.000 đồng nhưng ông D có cam kết trả nợ nên Hội phụ nữ xã ĐHĐ và Quỹ tín dụng chưa có yêu cầu khởi kiện nên không đề cập xem xét. Nếu ông D và bà Dkhông trả thì Hội phụ nữ xã ĐHĐ và Quỹ tín dụng nhân dân ĐH có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về chi phí thẩm định, định gia tài sản: Tổng chi phí là 15.000.000 đồng. Bà D và ông D mỗi người chịu ½ số tiền trên. Bà D có tạm ứng 10.000.000 đồng, ông D có tạm ứng 5.000.000 đồng. Như vậy ông D phải trả lại bà D là 2.500.000 đồng.

[6] Về án phí: Ông D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình và 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà D phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn D và bà Trần Thị Hoàng D là vợ chồng.

2/ Về tài sản: Bà Trần Thị Hoàng D và ông Lê Văn D mỗi người được sở hữu 100.000.000 đồng trị giá căn nhà cấp 4 tọa lạc thửa đất 747 tờ bản đồ 6 xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Ông D có nghĩa vụ giao lại bà D 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Đình chỉ yêu cầu bà Trần Thị Hoàng D về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn D với bà Võ Thị Thu Ng đối với hợp đồng chứng thực số: 5403 quyển số 03 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 24/3/2017.

4/ Về chị phí định giá, lập bản vẽ và thẩm định: Ông D và bà D phải chịu 15.000.000 đồng (đã nộp xong và chi phí hết). Ông Dót có nghĩa vụ hoàn lại bà D 2.500.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

5/ Về án phí: Ông Lê Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông D đã nộp theo biên lai số 4680 ngày 16/5/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa và 300.000 đồng theo biên lai số 29924 ngày 01/02/2019 tại Chi cục thi hành án thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Như vậy ông D còn phải nộp thêm

4.700.000 đồng. Bà Trần Thị Hoàng D phải nộp 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà D đã nộp theo biên lai số 4696 ngày 20/5/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và 4.062.500 đồng theo biên lai số 38640 ngày 26/3/2019 tại Chi cục thi hành án thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Như vậy bà D còn phải nộp thêm 637.500 đồng.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-UBND xã Đức Hòa Đông
-Lưu.